

PHẨM 2: PHƯƠNG TIỆN

Danh từ phương tiện gồm hai nghĩa là ly và hợp. Ly, thì côi mà chúng sinh duyên gọi là phương; pháp mà bậc Chí nhân dùng để tùy thuận độ người gọi là tiện. Bởi nhân bệnh cho thuốc, nhờ phương (côi) mà lập tiện (pháp), cơ giáo cùng nêu, cho nên gọi là phương tiện. Hợp, phương tiện tiếng Phạm là Âu-hòa câu-xá-la, Hán dịch là phương tiện thắng trí, phương tiện là tên của Thiện xảo (khéo léo), Thắng trí là từ ngữ của sự quyết đoán. Nhưng quyền xảo gồm có ba:

1. Thân quyền xảo, tùy vật hiện hình.
2. Khẩu quyền xảo, tùy cơ diễn thuyết.
3. Ý quyền xảo, thấu rõ bệnh thuốc một cách vi diệu cùng tột.

Hỏi: Phẩm này căn cứ vào nghĩa nào mà lập?

Đáp: Nói chung thì ba nghiệp thiện xảo đều là phương tiện. Nếu luận riêng thì chính là dùng hiện bệnh làm phương tiện. Năm trăm trường giả và ngài Tịnh Danh là bạn hữu ở pháp thành, nhưng những người khác đã đến mà cư sĩ chưa đến, chính là vì có bệnh, nhưng bệnh của cư sĩ, chẳng phải do thật báo, mà là khéo léo (thiện xảo) vì chúng sinh, cho nên nói là phương tiện. Thầy tôi là Hòa thượng Lăng nói rằng: “Nhưng đã có bệnh là bệnh, chẳng phải là phương tiện, không bệnh là không bệnh cũng chẳng phải là phương tiện; không bệnh mà bệnh, bệnh mà không bệnh cũng chẳng phải là phương tiện; bệnh mà không bệnh, không bệnh mà bệnh mới gọi là phương tiện.” Gốc chưa chánh cho nên nói chẳng phải. Nếu chẳng bệnh chẳng phải chẳng bệnh mà có thể hiện bệnh và không bệnh, thì đó mới là phương tiện. Vì sao? Vì chẳng phải bệnh chẳng phải không bệnh, cho nên gọi là thật; thị hiện bệnh mà chẳng bệnh, diệu dụng quyền xảo, hay hoằng dương đạo lớn làm lợi ích chúng sinh cho nên gọi là phương tiện. Chẳng bệnh chẳng phải không bệnh mà có thể hiện bệnh, có thể không bệnh. Đã là quyền thật riêng, thì chẳng đến chẳng phải chẳng đến mà có thể đến có thể chẳng đến; muôn nghĩa khác cũng như thế.

Lúc bấy giờ, trong thành lớn Tỳ-da-ly: Kinh này gồm hai xứ bốn hội, hội Am viên đã hết, đến đây là hội phương tượng, khác với hội trước mười điểm:

1. Nơi chốn khác, hội đầu là ở Am viên, hội này thì ở phương tượng.
2. Khác hóa chủ, hội đầu Phật là hóa chủ, hội này Bồ-tát là hóa chủ.

3. Giáo khác nhau, hội đầu nói nhân quả tịnh độ, hội này nói nhân quả pháp thân, trên nói về hạnh thanh tịnh cõi Phật, ở đây nói hạnh thành tựu chúng sinh.

4. Khác đồ chúng, hội đầu gồm chung các chúng đạo tục, ẩn hiện, hội này chỉ nói chúng thế tục.

5. Được lợi ích khác nhau, hội trên nói chung các lợi ích sâu cạn của Đại Tiểu thừa, hội này chỉ nói phát tâm, lợi ích ít.

6. Chung riêng khác nhau, hội trên chỉ nói về việc giáo hóa trong một thời của Đức Thích-ca, hội này luận chung về việc thiện xảo từ đầu đến cuối của ngài Tịnh Danh.

7. Đạo tục khác nhau, trên nói phương tiện của hàng xuất gia, nay nói về sự thiện xảo của tại gia.

8. Khách chủ khác nhau, trên nói về Đức Thích-ca tạm dừng ở Am viên, là khách, ở đây luận về Tịnh Danh đã sống lâu ở Tỳ-da, là chủ.

9. Bệnh và không bệnh khác nhau, trên nói phương tiện chẳng bệnh, đây thì nói thiện xảo hiện có bệnh.

10. Thời gian khác nhau, trên là nói mới tập hội ở Am viên, đây là nói thời gian sự việc ở phương trượng.

- Một hội này phân làm hai chương:

1. Phần tựa.

2. Chánh thuyết.

Hai chương này mỗi chương gồm có bốn phần.

- Bốn phần của chương một:

1. Xứ sở.

2. Nêu giai vị.

3. Nêu danh.

4. Khen đức.

Nói “thành lớn Tỳ-da” tức là đoạn thứ nhất nói xứ sở; “có các trưởng giả” là đoạn thứ hai nêu vị; tên “Duy-ma-cật” là đoạn ba nêu danh, đã từng cúng dường vô lượng chư Phật là đoạn thứ tư, khen ngợi đức. Ngài La-thập nói: “Phần này là nói về công đức của ngài Tịnh Danh, chẳng phải là ý của người kết tập kinh.” Vì phương tiện và biện tài của ngài thường được Thế Tôn khen ngợi, cho nên người tập kinh muốn mãi còn người này, hoàng dương đạo lớn mà theo điều đã nghe để thuật về công đức của ngài. Theo văn khen ngợi công đức thì gồm có hai:

1. Khen bản đức.

2. Khen tích dụng.

Vì muốn thuật lại công đức cho nên trước tiên nói đến nguyên nhân có công đức. Nguyên nhân của đức tức là đức bản, cho nên trước tiên khen bản.

Trông sâu gốc thiện: Trước khen ngoại duyên, ở đây thì khen nội nhân, lập đức của bậc Thánh xưa, cho nên gốc thiện được trông sâu. Nói thiện tức là nghiệp công đức, là Bồ-tát căn, cho nên gọi là bản (gốc).

Được Vô sinh nhẫn: Trước đã khen ngợi công đức, ở đây thì khen ngợi trí tuệ, tức phước trí nhị nghiêm. Như Lai chiếu soi đã cùng tận, cho nên gọi là trí; Bồ-tát chỗ thấy chưa rốt ráo, nhưng có thể kham nhận sự bất thoái, nên gọi là nhẫn.

Biện tài vô ngại, du hý thần thông: Đã đầy đủ hai nghiêm cho nên dùng biện tài thuyết pháp để sinh tuệ, du hý thần thông để sinh phước. Bồ-tát đã đầy đủ hai nghiêm, khiến cho chúng sinh đồng được phước tuệ. Vả lại trên đã nói phước tuệ là khen ngợi ý nghiệp, vô ngại biện tài là khen ngợi khẩu nghiệp, thần thông biến hiện, là khen ngợi thân nghiệp.

Hỏi: Khen ngợi năm thông hay khen ngợi sáu thông?

Đáp: Có hai nghĩa: Được Vô sinh nhẫn, kết hoặc trong ba cõi diệt tận, đối với Nhị thừa thì nói sáu thông, nếu sánh với Phật thì chỉ được năm, vì tập khí chưa hết. Chứng các môn tổng trì gồm hai lực:

1. Giữ điều thiện không để mất.
2. Giữ gìn không cho điều ác sinh khởi.

Theo ý ngài La-thập thì chánh lấy trí tuệ làm thể, tuệ dụng vô cùng, chiếu là Bát-nhã, ghi nhớ là giữ gìn (trì).

Đạt được vô sở úy: Vì có công năng trì, lại có đức sở trì thì sống trong chúng không sợ sệt.

Hàng phục ma oán: Trên là khen ngợi sở đắc, ở đây thì khen ngợi chỗ lìa xa. Bốn ma làm lao nhọc ta, cho nên gọi là oán.

Vào pháp môn sâu xa: Các pháp rất vi diệu, có vô lượng môn, được và xa lìa đã viên mãn, thì tất cả có thể vào một cách khéo léo.

Thật khéo léo nơi trí độ, thông đạt pháp phương tiện: Sở dĩ có thể vào các pháp môn là do đầy đủ hai tuệ, đạt đến bờ của thật trí gọi là khéo léo nơi trí độ, vận dụng cùng khắp gọi là thông đạt phương tiện.

Thành tựu đại nguyện: Bồ-tát có hai đức là hạnh và nguyện, trên khen ngợi hạnh viên, ở đây thì khen ngợi đức mãn. Đại nguyện, lược thuyết gồm ba như kinh Thắng Man đã nói, nói đầy đủ thì có bốn mươi tám như trong kinh Vô Lượng Thọ Phật. Sở dĩ cần phải nói đến nguyện, như luận Trí Độ ghi: “Hạnh như chiếc xe vận chuyển, nguyện như người

lái”, hai bên giúp đỡ nhau cho nên cần phải nói đến.

Biết rõ nơi hướng đến của tâm chúng sinh, lại có thể phân biệt được các căn lợi độn, tu tập Phật đạo đã lâu, tâm đã thuần thực, quyết định nơi Đại thừa: Trước khen ngợi hạ hóa chúng sinh, ở đây lại nói về trên ngộ Phật đạo, không còn các niệm phàm phu, Nhị thừa và Đại thừa có sở đắc nào khác xen lẫn, nên gọi là thuần, chánh quán Bất nhị nhậm vận hiện tiền nên gọi là thực. Thuần thực nơi Phật đạo, vĩnh viễn xa lìa ba loại lui sụt là vị, hạnh và niệm, gọi là quyết định Đại thừa.

Có thể khéo léo suy lường các việc làm. Trí tuệ của ba nghiệp luôn hiện tiền, việc làm chẳng mất: Luận Bà-sa ghi: “Luận chung về người thì có hai hạng:

1. Thuyết pháp khéo léo.
2. Suy lường khéo léo.”

Trụ nơi oai nghi của Phật: Kinh Anh Lạc ghi: “Bồ-tát Đăng giác học oai nghi của Phật trong một trăm kiếp, cho nên cử chỉ, động niệm, đến đi đều như Phật.”

Tâm mở rộng lớn như biển: Biển có năm đức:

1. Trong lặng không chứa tử thi.
2. Có nhiều cửa báu.
3. Rộng lớn trút mưa, giọt nước lớn như bánh xe, biển vẫn nhận mà không tràn.
4. Gió và nắng không làm khô cạn.
5. Sâu thẳm khó lường.

Cũng thế bậc Đại sĩ thì tâm thanh tịnh, không chứa thân chết hủ hoại, sinh xuất của báu trí tuệ sáng tỏ, Phật thuyết pháp như mưa lớn, vẫn thọ nhận mà chẳng dư thừa, gió ác ma nắng tà kiến không thể làm suy hao tổn hại; trí tuệ sâu xa, khó thể suy lường, vì các nghĩa trên cho nên nói tâm rộng như biển.

Chư Phật khen ngợi, còn đệ tử, Đế Thích, Phạm vương, vua... đều kính trọng: Từ trước đến đây là khen ngợi bên trong tịnh đức đầy đủ. Bây giờ là khen ngợi về bên ngoài thanh danh vang khắp, tức là phần giải thích về Tịnh Danh.

Vì muốn độ người cho nên dùng phương tiện khéo léo sống ở thành Tỳ-da: Đây là phần hai khen ngợi tích dụng. Khen ngợi bản tức khen ngợi thật, khen ngợi tích tức khen ngợi phương tiện. Theo văn thì gồm ba đoạn:

1. Nói về phương tiện của một thân.

2. Phương tiện của nhiều thân.

3. Tổng kết.

Phương tiện của một thân lại chia làm hai, đầu tiên nói về phương tiện xử, sau nói về phương tiện xuất. Trong phương tiện xử, thì trước nói về việc dùng đạo để thâm nhiếp tục, kế đến thì nói về việc nhân nơi tục mà rõ được đạo.

Có của cải nhiều vô lượng để cứu giúp người nghèo, trì giới thanh tịnh để nhiếp phục những người hủy giới cấm, dùng hạnh nhẫn nhục điều hòa để nhiếp phục những kẻ nhiều sân hận, dùng đại tinh tấn để nhiếp phục những kẻ biếng nhác, dùng nhất tâm thiền tịch để nhiếp phục những người có tâm ý tán loạn, dùng tuệ quyết định để nhiếp phục những người vô trí: Đây là nói dùng đạo để thâm nhiếp tục. Tự thực hành sáu độ này, nay lại dùng để giáo hóa người khác. Vả lại bậc Chí nhân thì không hạnh nào chẳng hành, cũng chẳng phải sáu và chẳng sáu, mà thường hay hiện thực hành sáu độ, là vì muốn nhiếp phục sáu loại chúng sinh xấu ác.

Tuy là cư sĩ nhưng lại giữ gìn giới hạnh của hàng Sa-môn thanh tịnh: Đây là khen ngợi việc nhân nơi tục mà rõ đạo. Theo văn thì gồm bốn loại quyền thật:

1. Hình.

2. Xứ.

3. Người.

4. Vật.

Nói “tuy là cư sĩ” tức là hình phương tiện, “giữ gìn giới hạnh của Sa-môn”, tức là nhờ nơi hình tướng thế tục để rõ thật đạo. Sa-môn là danh từ gọi chung những người xuất gia. Hán dịch là Cận hành, nghĩa là chuyên cận thực hành các điều thiện, để hưởng đến Niết-bàn, Sa-môn còn gọi là khát đạo, đạo nhân đều là nghèo nơi chánh đạo, chỉ ta đoạn tham đắc đạo, cho nên gọi là khát đạo. Sa-môn là tức tâm, nghĩa là dừng tất cả tâm hành, đạt được bản nguyện thanh tịnh. Cho nên kinh ghi: “Tức tâm đạt bốn, gọi là Sa-môn.”

Tuy ở tại gia mà không đắm nhiễm ba cõi: Đây là xứ quyền thật. Hàng Thanh văn thì tâm vượt ba cõi, hình lìa gia đình, phàm phu thì hình ở tại gia tâm nhiễm ba cõi. Bậc Đại sĩ, thân ở tại gia cho nên khác Tiểu thừa, tâm vượt ba cõi cho nên khác phàm phu. Vả lại tâm vượt ba cõi cho nên thường hành đạo, thân ở tại gia cho nên tùy thuận thế tục.

Thị hiện có vợ con, nhưng thường tu Phạm hạnh: Hai câu này là nói về người quyền thật. Đồng có năm tình như người cho nên thị hiện

có vợ con, khác với người về tánh thần minh cho nên thường tu phạm hạnh. Phạm, Hán dịch là tịnh, tức là hạnh thanh tịnh vô dục.

Thị hiện có quyền thuộc nhưng thường thích xa lìa: Hiện thân làm ngoại hộ để điều phục chúng sinh, cho nên có quyền thuộc, ở nơi đông người mà như chỗ vắng vẻ, cho nên gọi là thường thích xa lìa.

Mặc áo quần và trang sức quý báu nhưng lại dùng tướng tốt để nghiêm thân: Hai câu này là căn cứ theo tài vật để nói về phương tiện. Bên ngoài mặc trang phục của thế tục mà trong tu hạnh tướng tốt.

Tuy có uống ăn mà thường dùng thiền duyệt làm vị: Ngoài thì ăn món ăn của thế gian mà trong lại dùng vị thiền duyệt vi diệu.

Nếu có đến những nơi cờ bạc, hát ca thì cũng để độ người: Trên là nói về xử phương tiện, còn đây là nói về xuất phương tiện. Hành tàng đều là vì người, xuất sử đều là lợi sinh. Dịch tức là kỳ, đánh cờ. Bởi vì muốn nhân nơi ca hát mà ngăn dứt ca hát, cho nên có thể độ người.

Dù có học ngoại đạo nhưng chẳng mất chánh tín. Bạc Đại sĩ hòa đồng với ngoại đạo là vì muốn ngoại đạo đồng với mình, vậy há có thể mất chánh tín sao?

Tuy hiểu rõ sách thế tục, nhưng thường thích Phật pháp. Những người trông thấy đều cung kính, là người đáng được cúng dường bậc nhất: Tất cả mọi người thấy ngài Tịnh Danh không ai chẳng cung kính cho nên gọi là “Nhất thiết kiến kính”. Những người có đức được cúng dường lại cúng dường ngài Tịnh Danh, cho nên gọi là “cúng dường trung tối”.

Giữ gìn chánh pháp, nhiếp phục kẻ lớn người nhỏ: Các bộ khúc ở nước ngoài đều lập Tam lão, trong đó người có đức là người chấp pháp, chuyên quyết định việc tranh tụng trong làng xóm, nhiếp phục già trẻ. Ngài Tịnh Danh hiện nắm giữ phép tắc thế tục, vì thông đạo pháp.

Tất cả những việc buôn bán hùn hạp làm ăn, nếu có ngôn từ cãi nhưng chẳng lấy đó làm vui mừng: Đối pháp thân Đại sĩ thì gạch ngói đều là vật báu, nhưng như thế thì mọi người đều chẳng quý trọng ân huệ của ngài, cho nên mới thị hiện cùng cầu lợi lạc, vậy đâu có gì vui thích?

Đạo chơi nơi ngã tư đường (tứ cù để lợi lạc chúng sinh): Tứ đạt gọi là cù, tức là vào con đường quan yếu, quán xét tất cả chúng sinh, tùy nghi mà hóa độ.

Vào trị chánh pháp để cứu giúp tất cả: Trị chánh pháp tức là vị quan xem về luật pháp, dùng phép tắc chân chính để dẫn dắt, khiến nhân dân không còn sai lầm, tức là giúp đỡ cứu độ tất cả.

Vào nơi thuyết giảng thì dùng pháp Đại thừa để dạy dỗ: Thiên Trúc có rất nhiều ngoại đạo, phái nào cũng cho là mình hơn hết, cho nên nước ấy lập giảng đường riêng, người muốn luận hơn kém, muốn luận giải về đạo của mình, thì đề xướng cổ động mọi người đến giảng đường để tranh luận, ai thắng thì làm thầy, ai thua thì làm đệ tử. Ngài Tịnh Danh đã lên giảng đường này, nhiếp phục ngoại đạo, sau đó dùng pháp Đại thừa dẫn dắt, làm thầy của họ.

Vào các trường học thì dạy dỗ cho kẻ sơ cơ: Như Bồ-tát Thích ca vào trường học, nói Phạm thư, Phạm thiên đến làm chứng, mọi người đều tin nhận, ở đây cũng giống như thế.

Vào các nhà dâm thì chỉ rõ sự tai hại của dâm dục: Những hàng dâm nữ ở nước ngoài lập riêng làng xóm, phạm kẻ sĩ mất chẳng chút nhìn đến, nhưng bậc Đại sĩ thị hiện đồng như họ, rồi sau mới chỉ bày sự sai trái của họ.

Vào nơi rượu chè nhưng giữ vững ý chí: Rượu thường dẫn đến mất ý chí, tạo ra buồng lung.

Nếu trong hàng trưởng giả, thì làm bậc tôn quý nhất trong hàng trưởng giả, tuyên thuyết pháp thù thắng: Từ đây trở xuống là phần thứ hai nói về phương tiện nhiều thân. Trưởng giả, như nay là bốn dòng họ hào phú. Đối với phàm dân nếu dùng uy thế nhiếp phục khiến họ quy thuận thì dễ, nếu dùng lý khiến họ theo thì rất khó. Bậc Đại sĩ luôn ở vào hàng tôn quý trong đó, tùy thuận giáo hóa. Trưởng giả, hào tộc vọng trọng phần nhiều đều sống với pháp thế tục, cho nên Đại sĩ nói pháp xuất thế thù thắng.

Nếu ở trong hàng cư sĩ thì làm bậc tôn quý nhất trong hàng cư sĩ và dứt trừ tâm tham đắm cho họ: Luận Trí Độ ghi: “Cư sĩ có hai loại:

1. Người sống ở nhà cho nên gọi là cư sĩ, đây là từ cư sĩ chỉ chung.
2. Sống với gia tài một ước, nên gọi là cư sĩ”.

Đã tích chứa tài bảo nhiều, thì tham đắm sâu nặng, cho nên bậc Đại sĩ thị hiện đồng như họ, tích chứa tài sản của báu, mà đoạn tâm tham trước.

Nếu ở trong hàng Sát-đế-lợi, thì là bậc tôn quý trong hàng Sát-đế-lợi và dùng pháp nhẫn nhục dạy cho họ: Ngài La-thập nói rằng: “Sát-đế-lợi là âm Phạm, gồm hai nghĩa là nhẫn nhục và sân nhuế. Hạng người này có thể lực lớn, hay sinh tâm giận dữ, nhẫn chịu thống khổ, ương ngạnh khó điều phục, nhân đó mà gọi là sát-lợi.” Ngài Tăng Triệu ghi: “Sát-lợi là chủng tánh vua chúa, Hán dịch là Điền chủ. Vào thời

kiếp sơ, con người ăn những chất vị từ đất, kể đó chuyển sang ăn những lúa thóc mọc tự nhiên, về sau con người dần dần trá ngụ, mỗi mỗi tự chiếm đất riêng, do đó mà lập những người có đức đứng ra bình đẳng phân chia ruộng đất, đó là khởi đầu cho chế độ vua chúa, cho nên kể thừa gọi tên như thế. Những người này tôn quý tự cao tự đại, phần nhiều do nóng giận tự ý quyết định, không nhẫn nhục hòa thuận, cho nên dùng nhẫn nhục giáo hóa họ.

Nếu ở trong hàng Bà-la-môn, thì là bậc tôn quý trong hàng Bà-la-môn, trừ diệt tâm ngã mạn cho nên họ: Bà-la-môn, Hán dịch là Ngoại ý. Vào thời kiếp sơ, đã thấy người đời sân hận, luôn đấu tranh nhau, liên khởi tâm chán lìa điều ác, vào núi cầu đạo, vì ý vượt hơn người, cho nên gọi là ngoại ý. Chủng tánh này có lập kinh sách riêng, đời đời truyền thọ cho nhau, lấy đạo học làm sự nghiệp, hoặc ở tại gia, hoặc xuất gia khổ hạnh, phần nhiều ý vào đạo thuật của mình mà xem thường người khác.

Nếu ở trong hàng Đại thần, thì làm bậc tôn quý trong hàng đại thần, dạy cho họ chánh pháp: Chánh pháp, tức phép tắc chân chánh để trị quốc, đã dạy cho họ phép chánh trị lại gồm dạy cho họ đạo pháp.

Nếu ở trong hàng Vương tử thì làm bậc tôn quý trong hàng Vương tử, và dạy cho trung hiếu. Đã làm quan thì phải đủ hai hạnh trên.

Nếu ở nội cung thì làm bậc tôn quý trong nội cung để dạy dỗ dẫn dắt cung nữ: Ngài La-thập nói: “Chẳng phải như nội quan ở đây, theo phép của Ấn độ xưa thì cần phải tuyển chọn vị lão thần trung lương nhiều đời, có đức độ làm nội quan để dạy dỗ cung nữ.”

Nếu là thứ dân thì làm bậc tôn quý trong hàng thứ dân, để khiến cho họ tạo các việc phước lợi: Vì phước lực của họ cạn mỏng, nên phải dùng phước lực để giáo hóa.

Nếu ở trong hàng Phạm thiên thì làm bậc tôn quý trong hàng Phạm thiên để dạy cho họ thắng tuệ.

Từ trên đến đây là phương tiện thị hiện làm người, dùng trên để độ dưới. Còn văn này là phương tiện thị hiện làm chư Thiên, là ở vị cao hóa vị thấp. Ngài La-thập nói: “Trong Tiểu thừa, sơ phạm có ba, Tạp tâm có hai trừ Phạm vương.” Lại nói: “Trong Đại thừa có bốn, ba cõi trên cũng như thế”, ý này đồng với phẩm Vãng Sinh trong luận Trí Độ. Phạm vương tuy có thần tuệ, nhưng chẳng phải xuất thế, nên nay dùng trí tuệ Phật dạy cho họ, nên gọi là thắng.

Nếu ở trong hàng Đế Thích thì làm bậc tôn quý trong hàng Đế Thích để chỉ bày cho họ pháp vô thường: Đế Thích sống ở cung Đạo-lợi,

tự vui với năm dục, nhìn Đông thì quên Tây, nhìn Tây thì quên Đông, phần nhiều không nghĩ đến vô thường. Vì thế bậc Đại sĩ hoặc có lúc hóa hiện ra lửa thiêu cháy cung điện của họ.

Nếu ở trong hàng Hộ thế, là bậc tôn quý trong hàng Hộ thế để bảo vệ chúng sinh: Hộ thế tức là Tứ thiên vương, mỗi mỗi xem xét một phương, bảo vệ bộ của mình, khiến các ác quỷ thần không thể làm tổn hại chúng sinh.

Trưởng giả Duy-ma-cật dùng vô lượng phương tiện như thế, làm lợi ích chúng sinh: Đây là đoạn thứ ba tổng kết. Pháp thân ứng hiện viên mãn, dấu tích cùng khắp, cho nên gọi là vô lượng, trên chỉ lược nói mà thôi, đã chẳng thể cùng tận, nên phải tổng kết.

Ông đã dùng phương tiện hiện thân có bệnh: Từ trước đến đây là nói về phương tiện chung, từ đây trở xuống là luận về phương tiện riêng. Theo hội mà phân, thì từ đầu phẩm đến đây là nói về phần tựa, từ đoạn văn này trở xuống, chính là giáo môn của một hội. Theo văn cũng có bốn:

1. Luận về hiện bệnh.
2. Nói về việc thăm bệnh.
3. Nói giáo môn.
4. Đại chúng đương thời ngộ đạo.

Sở dĩ hiện bệnh, vì muốn cho người ngộ được vô thường phải nhờ nơi ba điều suy: Già, bệnh, chết. Nhưng già thì phải đợi tuổi tác đến, chẳng thể đến liền, chết thì không thể nói năng, không biết lấy gì để khai ngộ cho người, còn bệnh thì có thể đến gấp, lại còn có thể nói năng. Cho nên trong ba điều thì quán xét nên hiện thân này bệnh để xiển dương giáo môn. Vả lại cư sĩ đã thể ngộ được đạo rất sâu xa, còn chưa tránh khỏi nạn này, huống gì những kẻ vô đức mà có thể bảo toàn được sao? Lại không bệnh mà chê trách bệnh thì người khó tin, nếu dùng thân bệnh chê trách bệnh thì người dễ nhận.

Vì ông bị bệnh cho nên các vị quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ, Bà-la-môn cùng với các vương tử và vô số quan thuộc đều đến thăm: Đây là phần thứ hai nói về việc mọi người đến thăm bệnh. Vì ngài Tịnh Danh công đức đầy đủ nên mọi người trong thiên hạ, khi nghe ông bị bệnh đều đến thăm.

Trưởng giả Duy-ma-cật bèn nhân nơi thân bệnh mà thuyết pháp cho những người đến thăm nghe: Đây là đoạn thứ ba nói về việc nhân bệnh thuyết pháp. Trong phần thuyết pháp lại chia làm hai môn:

1. Nói sinh tử khổ não.

2. Khen ngợi công đức của pháp thân.

Nói sinh tử khổ não để làm cho chúng sinh chán ghét sinh tử, khen ngợi công đức pháp thân là khiến cho mọi người ưa thích pháp thân. Chỗ quan yếu của pháp môn, chỉ do đây dẫn phát. Vả lại nói sinh tử khổ não là phá trừ hoặc của phàm phu, khen ngợi pháp thân công đức là để bài xích kiến chấp của Nhị thừa.

Nói sinh tử khổ lụy là phá thường kiến, khen ngợi pháp thân công đức là trừ đoạn diệt, khiến cho những người được giáo hóa xa lìa nhị biên, ngộ nhập Trung đạo. Nhưng nói hai môn này gồm có khai và hợp khác nhau, gồm bốn loại:

1. Điều hợp, tức nói thẳng sinh tử vô thường, chỉ nói pháp thân thường trụ.

2. Điều khai, khai sinh tử vô thường, khổ không, khai pháp thân Thường, Lạc, Ngã, Tịnh.

3. Hợp sinh tử, chỉ nói vô thường, khai pháp thân, nói đủ bốn đức.

4. Khai sinh tử, nói đủ vô thường khổ không, hợp pháp thân, chỉ nói thường trụ.

Trong bốn môn, môn thứ tư, căn cứ theo sinh tử khổ lụy lại gồm có năm môn là vô thường, khổ, không, vô ngã và bất tịnh.

Trưởng giả nói rằng: “Này các nhân giả! Thân này vô thường: Vô thường là môn đầu tiên để vào “không”, lại là chỗ hoạn lụy của chúng sinh, cho nên nêu trước tiên.”

Không mạnh khỏe: Vì nay bị bệnh thì yếu, cho nên biết không mạnh khỏe.

Không có sức: Già, bệnh, chết đến thì không cưỡng lại được, cho nên nói không có sức.

Không bền chắc: Nghĩa là thể không thật.

Là vật dễ hư hoại, chẳng thể tin cậy được: Đã không có sức khỏe mạnh, đâu thể cho là tồn tại lâu dài, cho nên nói dễ hư hoại, vì nó dễ hư hoại thì ai có thể tin nó vĩnh viễn bền chắc.

Là nơi chứa nhóm các bệnh hoạn khổ não: Đây là đoạn hai nói về quán khổ. Vì vô thường cho nên khổ, vì khổ cho nên sinh não. Khổ là tám khổ, lại có vô lượng khổ, não thì gồm có chín và cũng có vô lượng não, bệnh thì có bốn trăm bốn mươi bệnh.

Này các nhân giả! Thân như thế, thì người trí không bao giờ nương cậy: Câu này là tổng kết đoạn trước chuyển khởi đoạn sau. Vì có vô thường khổ cho nên người trí không nương cậy. Chuyển khởi đoạn sau

thì như các dụ ở dưới đây, vì thế mà chẳng thể nương cậy.

Thân này như bọt bóng, không thể cầm nắm: Đây là đoạn thứ ba nói về không, gồm mười câu. Các Sư xưa nói: Năm câu đầu là căn cứ riêng theo năm ấm mà nói về không, năm câu sau là luận chung về không, cho nên kinh Hoa Nghiêm ghi: “Sắc như bọt bóng, thọ như bọt nước, tưởng như sóng nắng, hành như cây chuối, thức như huyễn”, cho nên biết căn cứ theo năm ấm để nêu lên năm dụ. Nay xét ý văn, thì thấy đều là dụ chung, chẳng phải dụ riêng. Bọt bóng tựa như thật có, nhưng khi nắm bắt thì tan thành không, thân này cũng tựa như có, khi duyên đến thì hủy hoại.

Thân này như bọt nước không thể lâu dài: Giống như nói nghĩa vô thường, nhưng bọt trên mặt nước, thể hư giả không thật giống như nghĩa “không”.

Thân này như sóng nắng do khát ái sinh: Khi khát nước thấy sóng nắng thì hoặc cho là nước, ái kiến bốn đại, mê muội cho là thân. Luận Nhiếp Đại Thừa gọi sóng nắng là nai khát, đó là do loại nai khát nước, mỗi một cho nên thấy sóng nắng là nước.

Thân này như cây chuối không bền chắc: Chuối chỉ có bẹ và lá, không chân thật, thân cũng như thế, chỉ là danh tự giả, không chân thật.

Thân này như huyễn, từ điên đảo sinh: Thấy huyễn hóa cho là người, bốn đại là thân đều là điên đảo.

Thân này như chiêm bao do hư vọng mà thấy có: Như do tâm có mộng mà thấy việc mộng, thật ra không có việc mộng, thân này cũng như thế, do tâm điên đảo mà thấy có thân này, chứ thật ra chẳng có thân.

Thân này như ảnh tượng do nghiệp duyên hiện ra: Trước căn cứ theo tâm phương tiện mà có thân, nay là nói về do nghiệp ảnh ở quá khứ mà có thân hiện tại. Vả lại ngăn ánh sáng thì có ảnh tượng, ngăn ánh sáng chánh quán cho nên có thân ảnh tượng.

Thân này như tiếng vang, thuộc về nhân duyên: Quá khứ nhờ vào nhân duyên của hoặc nghiệp, hiện tại do di thể của cha mẹ và ăn mặc..., tổng gom các việc trên mà gọi là thuộc về các nhân duyên.

Thân này như mây nổi biến diệt trong chốc lát: Màu sắc của những đám mây thay đổi trong khoảnh khắc, và phút chốc cũng tan biến đi. Thân cũng như thế, trong khoảng chớp mắt từ nhỏ đến lớn đến tráng niên, trong chốc lát già, bệnh, chết, hoại diệt.

Thân này như điện chớp niệm niệm không dừng trụ: Mây và điện

chớp thật vô thường, vì nay lấy cái hư giả chẳng chân thật, cho nên sinh diệt mau chóng mà chẳng dừng trụ, giống như giải thích nghĩa “không”.

Thân này không có chủ vì như đất: Đây là phần thứ tư nói về vô ngã quán, gồm tám câu, bốn câu trước căn cứ riêng từng đại mà luận về vô ngã, bốn câu sau căn cứ chung bốn đại mà nói vô ngã. Có người cho rằng đất nhờ vào bốn vị mà thành, tuy có công năng giữ gìn mà thật không có cái dụng ngã chủ tế ngự trị, thân cũng như thế. Ba đại sau cũng như thế. Có người cho rằng đất bên ngoài xưa nay mãi tiếp nối truyền trao, người mạnh đặt định trước, cho nên không có chủ nhất định, thân cũng như thế, duyên hợp thì có, duyên tan thì không, không có chủ tế thường nhất. Có người cho rằng thân của chúng sinh là trong, cây cối đất đai là ngoài, nhưng Đại bên ngoài bổ sung vào thân thì lại thành trong, Đại bên trong khi tan hoại thì lại trở về bên ngoài, trong ngoài tuy khác nhưng đại chỉ là một. Đại bên ngoài không có chủ, thân bên trong cũng như thế. Vả lại nếu thấy nội tâm chẳng hoại nói là có chủ tế, nhưng ngoài chẳng hoại thì chẳng phải có chủ, nội thân cũng như thế.

Thân này không có ngã vì như lửa: Mặc tình tự tại gọi là ngã, nhưng lửa do nơi củi, không được tự tại, củi nhỏ thì lửa cháy nhỏ, củi lớn thì lửa lớn. Có củi thì có lửa, không củi thì không lửa. Thân này cũng như thế, cử động tạo tác, vạn sự tựa như có ngã, nhưng chỉ do các duyên tạo thành, bệnh đến thì phiền não, chết đến thì hoại diệt, chẳng được tự tại, cho nên không có ngã.

Thân này không trường thọ như luồng gió: Gió tuy thổi mạnh, nhưng lúc đến lúc đi, chính là do không khí tự lại di chuyển mà thành, chẳng có chủ tế tồn tại. Thân cũng như thế, hít thở ra vào, đi đứng, làm việc nói năng, cũng nhờ khí mà vận động, chẳng được trường thọ.

Thân này không có người, như nước: Như nước trong lắng sạch sẽ, tẩy rửa dơ uế, cong thẳng tùy theo duyên, vuông tròn theo vật chứa, lặng lẽ mà tìm cầu, thật chẳng có người trong đó, thân cũng như thế, thấy biết đứng đi, theo việc mà động dụng, vâng theo số mà vận chuyển, xét rõ nguyên nhân chẳng có người.

Hỏi: Bốn danh từ này có gì sai khác?

Đáp: Thể thì chỉ là một nhưng nghĩa thì khác, có chủ tế chân thật gọi là chủ, tự tại ngự trị gọi là ngã, thường tồn bất biến gọi là thọ, tôn quý trong vạn vật, mãi mãi chẳng thay đổi thì gọi là người.

Thân này chẳng thật, bốn đại là chủ: Trên là theo từng đại để nói về vô ngã. Đây thì căn cứ chung vào bốn đại để luận vô ngã.

Thân này là không, lia ngã và ngã sở: Ngã và ngã sở gồm có ba loại:

1. Lấy nội thân làm ngã, lấy quốc gia, tài sản, vợ con làm ngã sở.
2. Căn cứ theo chung riêng của nội thân mà phân biệt thì dụng chung là ngã, năm ấm riêng biệt là ngã sở.
3. Căn cứ theo riêng năm ấm thì sắc là ngã, bốn ấm còn lại là ngã sở, xoay vần tạo nên thân này.

Vô ngã thì nhân không, vô ngã sở thì pháp không. Nhưng có hai loại:

1. Pháp không có thật tánh, tức tánh không.
2. Pháp không nhân duyên gọi là giả không.

Thân này không có sự biết như cỏ cây ngói gạch: Trước nói về thể vô ngã, ở đây luận về dụng vô ngã. Thân tuy có xúc chạm, mà không hay biết, thức tuy hay biết mà không xúc chạm, rốt cuộc tìm cầu cả hai đều chẳng hay biết, đâu khác gì ngói gạch. Nhưng vô tri (không hay biết) có hai:

1. Tự tánh tri.
2. Vô giả danh tri.

Thân này không thể tạo tác chỉ do sức gió nghiệp làm lay chuyển: Trước căn cứ theo tâm pháp để nói dụng vô ngã, còn đây thì căn cứ theo sắc pháp để nói về dụng vô ngã. Tuy có tạo tác nhưng do sức gió nghiệp mà chẳng phải là hoạt dụng của ngã.

Thân này bất tịnh, đầy dẫy các chất dơ bẩn: Đây là phần thứ năm nói về quán bất tịnh gồm tám câu: câu một chính thức chỉ sự bất tịnh, bảy câu còn lại nêu lên những pháp khác để hiển thị bất tịnh, gồm đủ ba mươi sáu vật gọi là đầy dẫy các chất dơ bẩn.

Thân này giả dối, tuy có nhờ vào tắm rửa ăn mặc nhưng rồi sẽ trở về tan hoại: Thân này là tai họa, có một trăm lẻ một thứ bệnh hoạn khổ não. Khi một đại tăng hoặc tổn giảm thì một trăm lẻ một thứ bệnh phát sinh. Bốn đại cùng tăng hoặc giảm tổn thì có bốn trăm lẻ bốn bệnh đồng thời sinh, cho nên thân này là nơi các tai họa tụ tập.

Thân này như giếng trên gò, bị sự già suy bức ngặt: Có người nói rằng: Gò cao ất khô, giếng sâu ất đầy, có thân ất phải già. Ngài Tăng Triệu nói: “Thân ở nơi thân bị sự già chết bức bách, giống như người bị nạn rơi vào giếng khô trên gò, ất sẽ bị loại rấn rít làm hại.” Ngài La-thập nói: “Gò cao, giếng khô.” Xưa có người phạm tội với vua, bèn chạy trốn, vua khiến loại voi say đuổi theo, người ấy sợ hãi, nguy cấp

bền nhảy xuống một cái giếng khô, rơi đến nửa giếng chộp được một sợi cỏ mục, dưới đáy giếng thấy có loại rồng dữ phun hơi độc lên, bên thành giếng lại có năm con rắn độc muốn hại, rồi có hai con chuột đang cắn sợi dây, sợi dây sắp đứt, trên miệng giếng voi say đã đến, muốn dùng vòi cuốn lên. Người này lâm vào sự khốn cùng, quá sợ hãi. Bỗng thấy phía trên có một cây cao, trên cây có một giọt mật rơi vào miệng, vì đắm trước mùi vị của mật mà quên đi sự sợ hãi. Giếng khô dụ cho sinh tử, voi say dụ cho vô thường, rồng dữ dụ cho đường ác, năm rắn dụ cho năm ấm, sợi cỏ mục dụ cho mạng căn, hai chuột trắng đen dụ cho nửa tháng trước và nửa tháng sau, giọt mật dụ cho năm thứ dục lạc, được mật quên sợ hãi, dụ cho việc chúng sinh được mật ngũ dục mà chẳng biết sợ khổ não.

Thân này không nhất định vì rồi sẽ chết: Thọ mạng tuy không định nhưng sự chết thì nhất định. Luận Trí Độ ghi: “Thân có hai loại: Nếu chẳng tự chết thì bị kẻ khác giết chết”.

Thân này như rắn độc, như giặc cướp, như không tự vì đó là do ấm, giới, nhập hợp thành: Bốn đại như bốn rắn độc, năm ấm dụ như năm tên giặc cướp, sáu tình như không tự.

Này các nhân giả! Thân này nên nhàm chán mà nên ưa thích thân Phật: Từ trước đến đây là phần một nói về sinh tử khổ lụy. Từ đây trở xuống là phần hai khen ngợi pháp thân công đức. Nhàm chán có ba nghĩa:

1. Hàng hạ căn tuy nhàm chán nhưng vì vui thích cho nên không bỏ.
2. Hàng trung căn sinh tâm nhàm chán, muốn cầu chứng Niết-bàn.
3. Hàng thượng căn sinh tâm nhàm chán nhưng lại hay hóa độ chúng sinh. Nay vì sợ nội tâm sinh nhàm chán, liền thủ Niết-bàn, cho nên xoay về chánh đạo, vì thế mà nói ưa thích pháp thân.

Vì sao? Vì thân Phật tức pháp thân: Hàng hiểu biết cạn cợt tuy nghe nói: “Nên ưa thích thân Phật”, nhưng sợ cho rằng cũng giống như kiến giải của họ, thì chưa tránh khỏi sinh tử, đâu cần phải ưa thích, vì thế mới giải thích rằng: “Thân Phật tức pháp thân”. Đạo Sinh nói rằng: “Thân một trượng sáu là thân tích, thường trụ là pháp thân. Thân tích lưu xuất từ pháp thân cho nên nói tức pháp thân”. Ngài Tăng Triệu nói: “Há có thể bỏ thân một trượng sáu mà riêng cầu pháp thân sao? Cho nên thân một trượng sáu vô sinh tức pháp thân vậy.” Pháp thân chẳng phải do pháp nuôi dưỡng mà là lấy chánh pháp làm thân. Chánh pháp

thân thì thể bất trăm lỗi, hình đầy đủ vạn đức. Vì thể bất trăm lỗi, cho nên chẳng phải hữu vi, hình đầy đủ vạn đức nên chẳng phải vô vi, xa lìa nhị biên, đó là chánh pháp thân.

Hỏi: Đó là người nào, mà có chấp này?

Đáp: Hàng phàm phu và Nhị thừa ở Thiên trúc đều cho rằng trí Phật thân tuy thắng diệu nhưng cuối cùng rồi cũng phải diệt tận, thí như các sư Thành Thật ở Trung quốc chấp năm thời giáo. Như Khai Thiện, Trí Tạng cho rằng giáo Tịnh Danh là thuyết vào thời thứ ba, Đức Phật thọ bảy trăm a-tăng-kỳ rốt cuộc cũng vô thường và Chiêu Đề cũng cho rằng giáo Duy-ma-cật là giáo thuyết của thời thứ hai, cũng chưa tránh khỏi sinh. Những người như thế đều có hiểu biết cạn cợt. Nay xin hỏi chung rằng trước nói sinh tử khổ lụy, đã là vô thường, nay khen ngợi pháp thân công đức lại cũng chưa tránh khỏi sinh tử thì đồng là điều khổ hoạn nhằm chán, đâu có Phật thân để ưa thích. Vả lại ngài Tăng Triệu, Đạo Sinh... đều giải thích kinh Duy-ma này là nói về pháp thân thường trụ, người sau chẳng nên trái với thuyết này, như Huyền nghĩa đã nói rõ.

Từ vô lượng công đức trí tuệ sinh: Đã có quả rất ráo vi diệu thì tâm có nhân rất ráo vi diệu. Cho nên từ đây trở xuống là phần nêu nhân để giải thích quả.

Từ giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến sinh: Từ Từ, Bi, Hỷ, Xả sinh, từ các Ba-la-mật: Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục nhu hòa, cần hành Tinh tấn, Thiền định giải thoát, Tam-muội Trí tuệ đa văn sinh ra, từ phương tiện sinh; từ sáu thông sinh; từ ba minh sinh, từ ba mươi bảy phẩm trợ đạo sinh, từ chỉ quán sinh; từ mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng sinh; từ đoạn tất cả pháp bất thiện, gom chứa tất cả pháp thiện sinh; từ chân thật sinh; từ bất phóng dật sinh, do vô lượng pháp thanh tịnh như thế sinh ra thân Như Lai. Nay các nhân giả! Muốn được thân Phật, đoạn tất cả các bệnh chúng sinh thì cần phải phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bô-đề.

Hỏi: Mười Lực, bốn Vô úy... tức pháp thân, vì sao lại nói là sinh pháp thân?

Đáp: Có người cho rằng đây là Bồ-tát địa cuối cùng, cũng phân ra lực, vô úy..., cho nên sinh thân Phật. Có người cho rằng Bồ-tát các địa dưới duyên với các đức của Phật mà tu hành, như duyên với mười lực của Phật mà thực hành hạnh mười lực, cho nên nói từ mười Lực sinh. Có người cho rằng pháp thân vốn vô sinh, nay nói sinh là căn cứ theo báo Phật. Cát Tạng tôi thì cho rằng nếu căn cứ theo mười Lực... thì sinh còn

có nghĩa thành, tức dùng mười lực... để thành tựu pháp thân, cho nên nói sinh. Nếu căn cứ theo nhân hạnh thì nên nói là sinh.

Hỏi: Vì sao nói là từ chân thật sinh?

Đáp: Chân thật tức Phật tánh, nếu Phật tánh hiển bày thì liền thành Phật thân. Như thế, Trưởng giả Duy-ma-cật nói pháp cho những người đến thăm bệnh nghe, khiến cho vô số ngàn người đều phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Đây là phần thứ tư chúng đương thời được lợi ích, nghe sinh tử khổ lụy, bỏ hạnh phàm phu, nghe nói pháp thân công đức, liền xa lìa hạnh Nhị thừa, cho nên phát tâm Phật. Vả lại trên đã nói: “Nên ưa thích thân Phật, tức là hạnh tự lợi.” Muốn được thân Phật, đoạn tất cả bệnh chúng sinh, tức là hạnh lợi tha. Đã nghe thành Phật, liền đủ hạnh tự hành và hóa tha, cho nên phát đạo tâm.

